

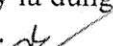
Số: 31./2025/CBTT.VMT

Thành phố Đà Nẵng, ngày 05 tháng 4 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG**
 - Mã chứng khoán: VMT
 - Địa chỉ trụ sở chính: 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 - Điện thoại: (84-23) 6382 1240
 - Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (chi tiết như file đính kèm).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/4/2025 tại đường dẫn <https://www.vinatransdn.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần
Giao Nhận Vận Tải Miền Trung.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch Hội đồng quản trị**



Lê Văn Hùng

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- 1.1.** Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG
- 1.2.** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 04/10/2024.
- 1.3.** Vốn điều lệ: 31.500.000.000 VND.
- 1.4.** Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 31.500.000.000 VND.
- 1.5.** Địa chỉ: 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.
- 1.6.** Số điện thoại: 0236 387 1493
- 1.7.** Số fax: 0236 382 1310
- 1.8.** Website: www.vinatrandsn.com.vn
- 1.9.** Mã cổ phiếu: VMT.
- 1.10.** Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung được thành lập trên cơ sở chuyển từ Chi nhánh Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng theo Quyết định số 776/2002/BTM ngày 03/7/2002 của Bộ Thương mại và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400426836 ngày 12/8/2002 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/10/2024. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trải qua hơn 22 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung không ngừng lớn mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và ngày càng được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm.

Những cột mốc phát triển quan trọng:

- Năm 2002 :** Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung – Vinatrans Danang thành lập ngày 12/08/2002 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng.
- Năm 2006 :** Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã phát hành thành công 300.000 cổ phần, tăng vốn điều lệ lên 6.000.000.000 đồng.

- **Năm 2007** : Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh, tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000 đồng.
- **Năm 2016** : Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP để tăng vốn điều lệ lên 15.750.000.000 đồng.
- **Năm 2020** : Ngày 22/12/2020, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, gọi tắt là VSD (nay Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, gọi tắt là VSDC) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 82/2020/GCNCP-VSD.
- **Năm 2021** : Công ty phát hành thành công 1.575.000 cổ phiếu riêng lẻ để đầu tư Dự án Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng, tăng vốn điều lệ lên 31.500.000.000 đồng.

Ngày 15/12/2021, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng khánh thành tại Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Cẩm Lệ. Theo đó, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng có tổng diện tích hơn 10.076 m², sức chứa 13.000 pallets (tương đương với 8.500 tấn hàng) với đầy đủ kho mát, kho lạnh, 12 cửa nhập và xuất hàng. Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng là một trong những Trung tâm Logistics hàng đầu tại khu vực các tỉnh miền Trung Việt Nam.
- **Năm 2022** : Ngày 11/01/2022, Công ty đã được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 1 số 82/2020/GCNCP-VSD-1 với mức vốn điều lệ tại thời điểm cấp là 31.500.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2022, Công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 6697/UBCK-GSDC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 06/10/2022. Theo đó, tại thời điểm chính thức là công ty đại chúng, vốn điều lệ của Công ty là 31.500.000.000 đồng với 123 cổ đông.

Ngày 16/12/2022, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng hoàn thành và đưa vào khai thác vận hành.
- **Năm 2023** : Ngày 06/01/2023, Cổ phiếu của Công ty được giao dịch lần đầu tiên trên sàn UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---|---------------------------|
| 1 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh; Kinh doanh vận tải đa phương thức. | 4933 (Chính) |
| 2 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan. | 5210 |
| 3 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---|---------------------------|
| 4 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý giao nhận cho các hãng tàu vận tải nước ngoài; Đại lý hàng hải; Dịch vụ làm thủ tục hải quan, khai thuê hải quan, kiểm kiện hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay. Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. | 5229 |
| 6 | Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhận gửi, chuyển phát chứng từ, ấn phẩm, gói nhỏ; Dịch vụ nhận gửi chuyển phát hàng hóa, vật phẩm và các dịch vụ bưu chính khác. | 5320 |
| 7 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại; Đóng gói và sửa chữa bao bì. | 3290 |
| 8 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng làm việc. | 6810 |

2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Công ty có trụ sở chính được đặt tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Các địa điểm hoạt động kinh doanh khác của Công ty:
- Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng tại đường số 2 KCN Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng và đã đầu tư, sở hữu 01 kho chứa hàng (Kho Hòa Cường) với tổng diện tích hơn 1.509 m² tại Đà Nẵng.
- Chi nhánh Quy Nhơn đặt tại 109 - 111 Lê Đức Thọ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định và Văn phòng đại diện tại 42 Trần Cao Vân, Phường Phú Hội, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện tại thành phố Huế, được đặt tại 42 Trần Cao Vân, Phường Phú Hội, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế, Việt Nam.
- Ngoài ra, công ty còn có hệ thống đại lý giao nhận trên khắp các châu lục Á, Âu, Mỹ, Úc.

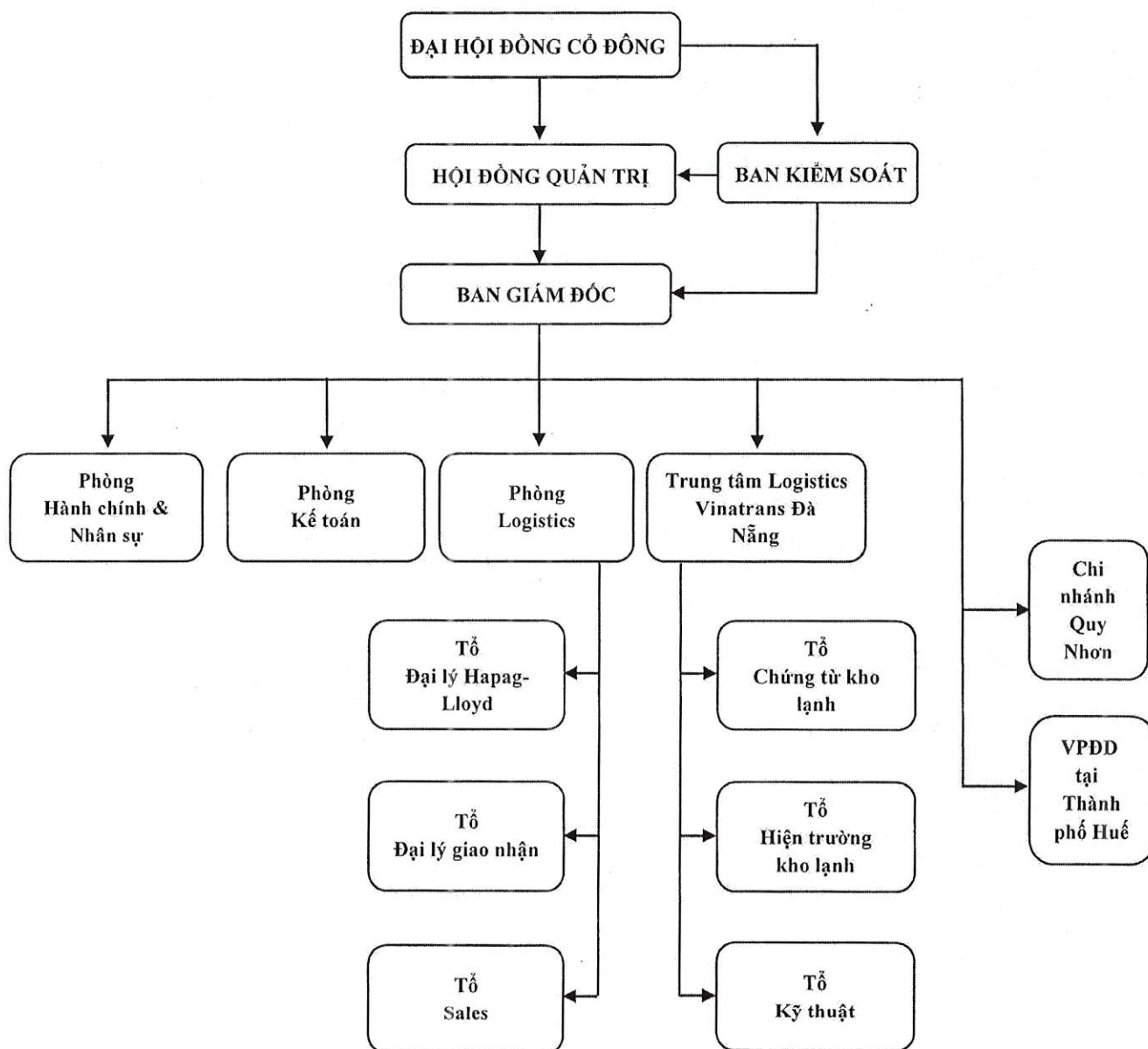
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị: Công ty là công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, chi tiết như sau:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung:



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với chi tiết chức năng các bộ phận như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”)**: ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.
- **Hội đồng quản trị (“HĐQT”)**: HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát (“BKS”)**: BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 năm do ĐHĐCĐ bầu.

- **Giám đốc:** Giám đốc có trách nhiệm điều hành hoạt động toàn Công ty.
Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của từng phòng ban trong toàn Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền và nhiệm vụ của Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty trước Hội đồng quản trị.
- **Phó giám đốc:** giúp Giám đốc Công ty quản lý và điều hành hoạt động của Công ty theo sự phân công/ ủy quyền của Hội đồng quản trị và Giám đốc.
Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của các phòng ban trong công ty theo mảng công việc được phân công phụ trách. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và trước pháp luật về tình hình kinh doanh, nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
- **Phòng Hành chính & nhân sự:**
Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý và sử dụng nguồn nhân lực đảm bảo các hoạt động quản trị nhân lực trong Công ty được tiến hành đầy đủ, chất lượng và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.
Quản trị hành chính, công tác quan hệ với cổ đông, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chung của toàn Công ty.
- **Phòng Kế toán:** Tham mưu với Ban Giám đốc đối với việc theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty và cổ vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan giám sát, kiểm tra, quản lý quá trình chấp hành các chế độ tài chính nội bộ của Nhà nước và của công ty; Tổ chức triển khai phần hành nghiệp vụ về tài chính, kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thuế và các Quy định của Nhà nước.
- **Phòng Logistics:** là phòng nghiệp vụ có chức năng khai thác, tìm kiếm khách hàng sử dụng các dịch vụ Logistics, Freight Forwarding (dịch vụ vận tải đường hàng không, đường biển, chuyển phát nhanh, sử dụng dịch vụ khai báo hải quan, xuất nhập khẩu, vận tải...), kho bãi và thực hiện các dịch vụ hãng tàu Hapag – Lloyd hưởng hoa hồng, phí đại lý, phí dịch vụ theo hợp đồng mang lại doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- **Tổ Đại lý Hapag-Lloyd:** là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Phòng Logistics, thực hiện các dịch vụ cho hãng tàu Hapag-Lloyd hưởng hoa hồng, phí đại lý theo hợp đồng đại lý mang lại doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- **Tổ Đại lý giao nhận:** là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Phòng Logistics, thực hiện các nghiệp vụ về dịch vụ vận tải đường hàng không, đường biển, chuyển phát nhanh, dịch vụ khai báo hải quan, xuất nhập khẩu, vận tải nội địa...
- **Tổ Sales:** là đơn vị trực thuộc Phòng Logistics có chức năng khai thác, tìm kiếm, chăm sóc khách hàng sử dụng các dịch vụ Logistics, Forwarding (dịch vụ vận tải đường hàng không, đường biển, chuyển phát nhanh, sử dụng dịch vụ khai báo hải quan, xuất nhập khẩu, vận tải...), kho bãi mang lại doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- **Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng:** đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung, được xem là một phần quan trọng trong hệ thống cơ sở hạ tầng Logistics của Công ty, được xây dựng nhằm thực hiện các chức năng cơ bản như lưu kho bãi, xếp dỡ hàng, gom hàng, chia nhỏ hàng, phối hợp phân chia hàng, lưu giữ hàng tối ưu, tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng từ đó mang lại doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- **Tổ Chứng từ Kho lạnh:** là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Trung tâm Logistics Vinatrans Đà

Năng có chức năng thực hiện các nghiệp vụ về chứng từ xuất nhập kho từ đó góp phần đáp ứng nhu cầu của khách hàng mang lại doanh thu, lợi nhuận cho Trung tâm.

- **Tổ Hiện trường Kho lạnh:** là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng có chức năng thực hiện các nghiệp vụ về xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa đáp ứng nhu cầu xuất nhập hàng hóa trong kho hàng từ đó góp phần mang lại doanh thu, lợi nhuận cho Trung tâm.
- **Tổ Kỹ thuật:** Tổ Kỹ thuật có chức năng theo dõi, quản lý và xử lý các vấn đề kỹ thuật đối với toàn bộ máy móc, phương tiện xe nâng, thiết bị, hệ thống điện - điện lạnh, hệ thống sản xuất điện năng lượng mặt trời, hệ thống PCCC... đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty

3.3. **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

4. **Định hướng phát triển:**

4.1. **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- **Nâng cao chất lượng dịch vụ:** Công ty đặt chất lượng dịch vụ làm tiêu chí cạnh tranh hàng đầu, cam kết cải thiện liên tục dịch vụ khai thác và chăm sóc khách hàng để tạo nguồn thu ổn định và bền vững, giảm sự phụ thuộc vào các đối tác truyền thống.
- **Phát triển đội ngũ nhân sự:** Công ty chú trọng xây dựng và củng cố đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc.
- **Mở rộng thị trường và quan hệ đối tác:** duy trì và phát triển mối quan hệ với các đối tác hiện tại, đồng thời tăng cường công tác Sales và Marketing, mở rộng thị trường và xây dựng mối quan hệ tốt với các Forwarders, các công ty logistics không có văn phòng tại Đà Nẵng.

4.2. **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- **Phát triển dịch vụ logistics và đầu tư hạ tầng:** Công ty tập trung vào việc khai thác hàng hóa cho Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng tại Khu công nghiệp Hòa Cầm, đẩy mạnh khai thác nguồn thủy hải sản ở Miền Trung và hàng F&B nhập khẩu. Đồng thời, hợp tác chặt chẽ với Chi nhánh Transimex Đà Nẵng, khai thác thêm dịch vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập kho và phân phối bằng xe tải lạnh để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Mục tiêu là xây dựng Trung tâm Logistics thành trung tâm phân phối hàng thực phẩm đông lạnh hàng đầu về quy mô, chất lượng và dịch vụ chuyên nghiệp ở Miền Trung.
- **Áp dụng công nghệ thông tin:** Công ty liên tục hoàn thiện quy định, quy trình quản lý và áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý để đảm bảo sự hiệu quả và bền vững trong kinh doanh.

4.3. **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của:**

- **Bảo vệ môi trường:** Công ty thể hiện cam kết với mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các chương trình và hoạt động vì cộng đồng.
- **Phát triển cộng đồng:** Công ty chú trọng xây dựng các hoạt động tập thể và công tác đoàn hội nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết, củng cố niềm tin khách hàng và thu hút nhân tài.
- **Đào tạo và phát triển nhân sự:** Tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho nhân viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc và góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty.

5. **Các rủi ro:**

5.1. Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:

- Ngành logistics và giao nhận vận tải hiện nay đang cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt từ các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực mạnh về tài chính và công nghệ.
- Sự thay đổi nhu cầu khách hàng, xu hướng chuyển đổi số cũng tạo ra áp lực buộc doanh nghiệp phải thích nghi nhanh chóng.

5.2. Rủi ro môi trường và thiên tai:

- Hoạt động logistics tại khu vực miền Trung dễ bị ảnh hưởng bởi bão, lũ lụt, sạt lở, đặc biệt trong mùa mưa bão, gây gián đoạn vận chuyển, làm tăng chi phí vận hành hoặc hư hại hàng hóa.
- Sự biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng nghiêm trọng cũng tạo thêm nhiều bất ổn cho chuỗi cung ứng.

5.3. Rủi ro pháp lý và chính sách:

- Sự thay đổi về chính sách thuế, hải quan, quy định vận chuyển hàng hóa quốc tế có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian, chi phí, và hiệu quả khai thác dịch vụ.
- Các rào cản kỹ thuật trong thương mại, yêu cầu kiểm định mới cũng có thể khiến hàng hóa bị đình trệ.

5.4. Rủi ro về nhân lực:

- Thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu nghiệp vụ logistics, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh thu hút nhân sự giữa các công ty lớn trong ngành.
- Chất lượng lao động không đồng đều, tỉ lệ nghỉ việc tăng cao có thể gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

5.5. Rủi ro tài chính – tỷ giá – lãi suất:

- Biến động về tỷ giá ngoại tệ ảnh hưởng đến chi phí vận tải quốc tế, đặc biệt khi thanh toán bằng USD.
- Chi phí vay vốn và đầu tư cơ sở hạ tầng có thể chịu ảnh hưởng khi lãi suất biến động.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024:

| Sản phẩm kinh doanh | Năm 2023 | | Năm 2024 | | % Năm 2024/2023 |
|---------------------------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|-----------------|
| | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng | |
| Doanh thu dịch vụ vận tải. | 32.146 | 54,35% | 15.494 | 37,29% | 48,2% |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi. | 24.883 | 42,07% | 23.579 | 56,74% | 94,76% |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng. | 2.116 | 3,58% | 2.481 | 5,97% | 117,25% |
| Tổng cộng | 59.145 | 100% | 41.554 | 100% | 70,26% |

- Trong năm 2024, thị trường thủy sản Đà Nẵng nói riêng và khu vực Miền Trung gặp rất nhiều khó khăn trong việc đánh bắt thủy sản sau khi Ủy Ban Châu Âu EC vẫn chưa xóa thẻ vàng về quy định đánh bắt thủy hải sản trái phép IUU cho Việt Nam, cũng như Chính phủ mới ban hành Nghị định số 37/2024/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp thủy hải sản, thiếu nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản, nên nhu cầu thuê kho giảm mạnh so với năm 2023. Ngoài ra một số đối thủ liên tục hạ giá lưu kho đông, kho mát, miễn phí các dịch vụ kèm theo nên kéo mặt bằng giá xuống mức thấp nhất trong mấy năm qua.
- Bên cạnh đó thời điểm cuối năm 2023 và đầu năm 2024, có biến động mạnh về nhân sự mảng cước hàng không và đường biển. Hầu hết các nhân sự cũ nghỉ việc, đây là những nhân sự làm việc lâu năm tại Công ty, nắm rõ công việc, đặc thù sản phẩm dịch vụ của khách hàng, giá cung cấp dịch vụ đối với khách hàng và có mối quan hệ thân thiết với khách hàng, mặc dù công ty đã nhanh chóng tìm kiếm nhân sự thay thế để chăm sóc khách hàng nhưng cũng không tránh khỏi việc bị tụt giảm khách hàng. Trong năm 2024, tuy đã phát triển được một số khách hàng mới nhưng chưa bù đắp được doanh số bị tụt giảm, chưa phát triển được đội ngũ bán hàng để tăng cường công tác khai thác, tìm kiếm phát triển khách hàng mới.
- Năm 2024 cũng là một năm khó khăn với ngành Logistics. Sau một thời gian bùng nổ, các công ty logistics có sự mở rộng qui mô, mở nhiều văn phòng tại Đà Nẵng và khu vực miền Trung, thị trường chững lại, dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt. Sau đại dịch Covid, nhiều khách hàng thay đổi cách thức gửi hàng (đối với tài liệu, chứng từ thì chuyển sang hình thức điện tử. Hàng mẫu chuyển sang kiểm tra trực tiếp tại nhà máy), các nhà xuất nhập khẩu cũng gặp nhiều khó khăn nên tiết giảm chi phí.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| Stt | Khoản mục | Thực hiện năm 2023 (Triệu đồng) | Năm 2024 | | % thực hiện năm 2024 so với | |
|-----|--|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| | | | Kế hoạch năm 2024 (Triệu đồng) | Thực hiện năm 2024 (Triệu đồng) | Kế hoạch năm 2024 (Triệu đồng) | Thực hiện năm 2023 (Triệu đồng) |
| 1 | Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. | 59.145 | 57.365 | 41.555 | 72,44% | 70,26% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (LNTT). | 760 | 1.880 | 904 | 48,09% | 118,95% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế. | 65 | 1.504 | 306 | 20,35% | 470,77% |
| 4 | Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu. | 1,28% | 3,28% | 2,18% | | |

- Kết thúc năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu thuần là 41,555 tỷ đồng, tương đương 70,26% so với thực hiện năm 2023 và đạt 72,44% kế hoạch năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế ghi nhận lần lượt là 904 triệu đồng và 306 triệu đồng, giảm 51,91% và 79,65% so với kế hoạch, nhưng lại tăng 118% và 470% so với năm 2023 là do trong năm 2024 có phát sinh lợi nhuận từ hoạt động tài chính (bán cổ phiếu mã VNT) là 1.753 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|-----------------------|----------------|----------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Thanh Tuấn | Giám đốc | 0,00% |
| 2 | Ông Lê Thanh Định | Phó Giám đốc | 0,00% |
| 3 | Ông Phạm Xuân Quang | Kế toán trưởng | 0,003% |

Thông tin Ban điều hành:

❖ Ông NGUYỄN THANH TUẤN – Giám đốc.

Sinh ngày: 10/10/1979.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Ngoại thương.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Đà Nẵng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

❖ Ông LÊ THANH ĐỊNH – Phó Giám đốc phụ trách.

Sinh ngày: 09/09/1978.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

❖ Ông PHẠM XUÂN QUANG – Kế toán trưởng.

Sinh ngày: 05/03/1986.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành kế toán.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Transimex.

- Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Transimex Logistics.
- Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Cảng Transimex.
- Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics.
- Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản.
- Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex.
- Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Vinafreight.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 100 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 100 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Quan hệ (nếu có) | Số CC/ Hộ chiếu/ CCCD/ GCNĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|-----------------------------|------------------|---|---|-------------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Transimex | Kế toán trưởng | 0301874259 | 172 Hai Bà Trưng (lầu 9-10), Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. | 708.460 | 22,49% |
| Công ty Cổ phần Vinafreight | Thành viên BKS | 0302511219 | Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. | 878.400 | 27,89% |

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----|-------------------|----------------|---------------|-----------------|
| 1 | Nguyễn Thanh Tuấn | Giám đốc | 30/06/2023 | 31/07/2024 |
| 2 | Nguyễn Thanh Tuấn | Giám đốc | 17/10/2024 | |
| 3 | Lê Thanh Định | Phó Giám đốc | 01/08/2024 | |
| 4 | Phạm Xuân Quang | Kế toán trưởng | 11/12/2024 | |
| 5 | Lê Anh Thư | Kế toán trưởng | 25/09/2023 | 11/12/2024 |

2.2.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 48 người.

2.2.2 Các chính sách của Công ty đối với người lao động:

a) Về chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty, trong năm 2024 đã tổ chức và cử nhân sự tham dự 10 khóa đào

tạo về nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng do VCCI, Sở lao động thương binh & xã hội Thành phố Đà Nẵng, Phòng cảnh sát PCCC Thành phố Đà Nẵng.

b) Về chính sách tuyển dụng:

Công ty cam kết thực hiện quy trình tuyển dụng công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tuổi tác, tôn giáo, hoặc nguyên quán, luôn tạo điều kiện công bằng cho tất cả ứng viên và tăng cơ hội cho các ứng viên có tiềm năng phát triển.

c) Về chính sách an toàn, bảo hộ lao động:

Cam kết đảm bảo an toàn và sức khỏe cho tất cả nhân viên trong môi trường làm việc. Công ty thực hiện các biện pháp an toàn lao động, cung cấp trang thiết bị bảo hộ và đào tạo nhân viên về các quy tắc an toàn và phòng ngừa tai nạn lao động. Chính sách về môi trường làm việc của Công ty nhấn mạnh vào việc tạo ra một môi trường làm việc an toàn, tích cực và hỗ trợ cho sự phát triển của nhân viên, đồng thời chú trọng vào việc bảo vệ môi trường và cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.

d) Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ:

Công ty cam kết đảm bảo công bằng trong việc xác định mức lương và thưởng cho nhân viên bằng cách thực hiện các tiêu chí rõ ràng và minh bạch để đánh giá hiệu suất làm việc và đóng góp của từng nhân viên. Các tiêu chí đánh giá hiệu suất có thể bao gồm thành tích công việc, đóng góp cho công ty, sự sáng tạo và cống hiến cho dự án hoặc bộ phận làm việc. Bên cạnh đó Công ty còn thường xuyên công nhận và khen ngợi những nhân viên có thành tích xuất sắc và đóng góp đáng kể vào sự phát triển của công ty. Các loại thưởng có thể bao gồm tiền thưởng, bằng khen, chứng nhận hoặc các phần quà khác. Ngoài lương và thưởng, Công ty cũng đảm bảo các chế độ phúc lợi như bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và các chương trình phúc lợi hấp dẫn khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân viên. Chính sách về lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ được thiết lập nhằm đảm bảo công bằng, khuyến khích sự đóng góp và hiệu suất làm việc của nhân viên, đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh và quyền lợi cho toàn bộ nhân viên trong công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng giảm |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản. | 170.701.641.600 | 160.418.635.853 | 94% |
| Doanh thu thuần. | 59.144.885.008 | 41.555.417.530 | 70% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. | 790.349.688 | 836.125.347 | 106% |
| Lợi nhuận khác. | (30.150.528) | 68.849.059 | 428% |
| Lợi nhuận trước thuế. | 760.199.160 | 904.974.406 | 119% |
| Lợi nhuận sau thuế. | 65.252.798 | 306.445.007 | 470% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức. | - | - | |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn. | 0,59 | 0,55 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho.</u> Nợ ngắn hạn. | 0,59 | 0,55 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản. | 0,66 | 0,64 | |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu. | 1,94 | 1,75 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân. | 0,34 | 0,25 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần. | 0,11% | 0,74% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu. | 0,11% | 0,52% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản. | 0,04% | 0,19% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần. | 1,34% | 2,18% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 3.150.000 cổ phần.
 - Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.150.000 cổ phần.
 - Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.150.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính tại ngày: 31/10/2024

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu) | Số lượng cổ đông (người) | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----------|---|------------------------------|--------------------------|------------------------------|------------------|
| I | Cổ đông trong nước, nước ngoài | | | | |
| 1 | Cổ đông trong nước | 3.150.000 | 128 | 31.500.000.000 | 100% |
| | - Nhà nước | | 0 | | |
| | - Tổ chức | 2.787.460 | 7 | 27.874.600.000 | 88,49% |
| | - Cá nhân | 362.540 | 121 | 3.625.400.000 | 11,51% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | - | 0% |
| | - Tổ chức | 0 | 0 | - | 0% |
| | - Cá nhân | 0 | 0 | - | 0% |
| | - Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0 | 0 | - | 0% |
| | TỔNG CỘNG | 3.150.000 | 128 | 31.500.000.000 | 100% |
| II | Cổ đông theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu | | | | |
| | - Cổ đông lớn | 2.770.060 | 4 | 27.700.600.000 | 87,94% |
| | - Cổ đông nhỏ | 379.940 | 124 | 3.799.400.000 | 12,06% |
| | TỔNG CỘNG | 3.150.000 | 128 | 31.500.000.000 | 100% |

❖ Cổ đông nhà nước, cổ đông lớn:

Tính tại ngày: 31/10/2024

| Stt | Tên cổ đông | Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ (%) |
|-----|--|------------------------------|------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam. | 304.800 | 9,68% |
| 2 | Công ty Cổ phần Logistics Vinalink. | 878.400 | 27,89% |
| 3 | Công ty Cổ phần Transimex. | 708.460 | 22,49% |
| 4 | Công ty Cổ phần Vinafreight. | 878.400 | 27,89% |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| Thời điểm | Số lượng cổ phiếu phát hành (cổ phiếu) | Vốn điều lệ sau phát hành (nghìn đồng) | Phương thức phát hành | Pháp lý |
|-----------|--|--|---|---|
| 08/2002 | Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 12/08/2002: 3.000.000.000 đồng. | | | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 776/2002/BTM ngày 03/7/2002 của Bộ Thương mại. - Giấy chứng nhận ĐKDN lần đầu ngày 12/08/2002. |
| 04/2006 | 300.000 | 6.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày ngày 25/02/2006. - Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 4 ngày 19/04/2006. |
| 05/2007 | 900.000 | 15.000.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng phát hành 300.000 cổ phần. - Phát hành thêm 564.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Phát hành thêm 30.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt. - Phát hành thêm 6.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 02/03/2007. - Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 5 ngày 09/05/2007. |
| 08/2016 | 750.000 | 15.750.000 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 01/04/2016. - Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 9 ngày 30/08/2016. |
| 09/2021 | 1.575.000 | 31.500.000 | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 ngày 27/07/2021. - Nghị quyết HĐQT về kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 ngày 08/09/2021. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 ngày 22/09/2021. |

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không phát sinh.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn chú trọng tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty đã triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các phương tiện vận tải và hoạt động kho bãi

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, không trực tiếp sản xuất sản phẩm, nên không sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ lưu kho cho khách hàng, Công ty có sử dụng màng PE khoảng 4 tấn/năm.
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Tỷ lệ màng PE được công ty tái sử dụng cho các hoạt động khác của công ty chiếm tỷ lệ khoảng 25%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng sử dụng chính cho hoạt động của Công ty là Điện. Điện cung cấp cho quá trình vận hành kho lạnh, chiếu sáng, khu vực văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ, máy móc thiết bị.
- Nguồn cung cấp điện của Công ty được lấy từ mạng lưới điện của thành phố Đà Nẵng cấp cho các cơ sở trong Khu công nghiệp Hòa Cầm. Nguồn điện đầu vào được cụ thể bằng văn bản thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư Hệ thống năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho hoạt động của Công ty.

- Nhu cầu sử dụng điện tại Công ty năm 2024 là 1.769.285 Kwh/năm. Trong đó Công ty điện lực Đà Nẵng cung cấp 1.156.999 Kwh/năm chiếm tỷ lệ 65,4%, năng lượng Công ty đã tiết kiệm được thông qua sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời là 612.286 Kwh/năm, tỷ lệ 34,6%.
- Trong tương lai, Công ty cũng hướng đến sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường góp phần hạn chế những tác động đến môi trường và phát triển hoạt động kinh doanh bền vững.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nước sử dụng cho các hoạt động tại cơ sở bao gồm:
 - + Nước dùng cho hoạt động vận hành hệ thống lạnh.
 - + Nước dùng cho hoạt động sinh hoạt hàng ngày.
 - + Nước dự phòng cho hoạt động Phòng cháy chữa cháy.
- Nguồn nước cung cấp cho hoạt động của cơ sở được lấy từ hệ thống cấp nước thành phố Đà Nẵng.

- Tổng phát sinh năm 2024: 5.401m³, chi phí: 72.913.485 VND.
Trong đó:
- + Nước dùng cho vận hành hệ thống lạnh khoảng 4.050m³/năm.
- + Nước dùng cho hoạt động sinh hoạt hằng ngày khoảng: 1.351m³/năm.
- Công ty vẫn luôn khuyến khích toàn thể nhân viên sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn tài nguyên và chi phí doanh nghiệp.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2024:

| Stt | Tính chất phân loại | Tính đến 31/12/2023 | Tỷ lệ (%) | Tính đến 31/12/2024 | Tỷ lệ (%) | Tăng/giảm so với năm 2023 |
|------------|---|------------------------|--------------|------------------------|--------------|---------------------------------|
| I | Theo trình độ | 50 | 100% | 48 | 100% | -2 |
| 1 | Trên đại học, Đại học | 24 | 48% | 22 | 46% | -2 |
| 2 | Cao đẳng | 13 | 26% | 14 | 29% | 1 |
| 3 | Trung cấp | 2 | 4% | 1 | 2% | -1 |
| 4 | Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông | 11 | 22% | 11 | 23% | 0 |
| II | Theo tính chất hợp đồng lao động | 50 | 100% | 48 | 100% | -2 |
| 1 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 27 | 54% | 14 | 29% | -13 |
| 2 | Hợp đồng từ 1-3 năm | 16 | 32% | 28 | 58% | 12 |
| 3 | Hợp đồng thử việc | 7 | 14% | 6 | 13% | -1 |
| III | Theo giới tính | 50 | 100% | 48 | 100% | -2 |
| 1 | Nam | 29 | 58% | 26 | 54% | -3 |
| 2 | Nữ | 21 | 42% | 22 | 46% | 1 |

- Mức trung bình đối với Người lao động:

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---|-----------|-----------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động bình quân (người). | 42 | 52 | 59 | 49 |
| Mức lương trung bình đối với Người lao động (đồng/người/tháng). | 8.400.000 | 9.300.000 | 10.400.000 | 10.223.000 |

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Chính sách nhân sự chung:

Tất cả CBNV của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm, khám sức khỏe định kỳ trang bị bảo hộ lao động theo chế độ của nhà nước hiện hành.

Công ty thúc đẩy tinh thần đồng đội, sự hợp tác và giao tiếp mở cửa giữa các bộ phận và nhân viên. Công ty cam kết đảm bảo an toàn và sức khỏe cho tất cả nhân viên trong môi trường làm việc. Công ty thực hiện các biện pháp an toàn lao động, cung cấp trang thiết bị bảo hộ và đào tạo nhân viên về các quy tắc an toàn và phòng ngừa tai nạn lao động. Chính sách về môi trường làm việc của Công ty nhấn mạnh vào việc tạo ra một môi trường làm việc an toàn, tích cực và hỗ trợ cho sự phát triển của nhân viên, đồng thời chú trọng vào việc bảo vệ môi trường và cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.

- Chính sách tiền lương:

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là nhân viên có chuyên môn cao cũng như kinh nghiệm nhiều năm trong ngành thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

- Chính sách thưởng:

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

- Chính sách tuyển dụng:

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước.

- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

Công ty thực hiện trả đủ công, thưởng năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt, đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử.
- Trong năm 2024, Công ty cử nhân sự tham gia một số khóa đào tạo do VCCI, Sở LĐTBXH, Phòng cảnh sát PCCC – CA Đà Nẵng tổ chức:
- + Nâng cao năng lực quản trị Công ty theo Thông lệ Quốc tế về phát triển bền vững;
- + Cập nhật quy định về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ phục vụ sau thông quan về xuất xứ hàng hóa, hướng dẫn phân loại, xác định mã số hàng hóa.
- + Cập nhật các quy định về Luật Lao động, BHXH.
- + Đào tạo kỹ năng, kiến thức về PCCC, Cứu hộ cứu nạn.
- Các nội dung Công ty tự tổ chức đào tạo:
- + Vệ sinh an toàn thực phẩm.
- + An toàn lao động.
- + Kỹ năng tiếp cận khách hàng;
- + Đào tạo hội nhập, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử.
- + Đào tạo theo các Modul nghiệp vụ về dịch vụ Logistics.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty không chỉ coi trọng trách nhiệm đối với môi trường mà còn đặt sự quan tâm đặc biệt đối với cộng đồng địa phương. Công ty nhận thức rõ rằng sự phát triển bền vững của mình gắn liền với cộng đồng, xã hội. Công ty thường xuyên hỗ trợ và đồng hành cùng sự phát triển của địa phương nơi công ty hoạt động. Công ty đã tạo điều kiện việc làm cho nguồn lao động địa phương, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và tạo cơ hội cho người lao động tham gia và đóng góp vào sự phát triển của địa phương.
- Đồng thời, Công ty tuân thủ nghiêm túc về kê khai thuế và các khoản ngân sách khác phải nộp. Việc này không chỉ đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh mà còn đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương, từ đó hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng và các chương trình phát triển cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Công ty luôn chú trọng và thực hiện các hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Tuy hiện Công ty chưa có hoạt động về thị trường vốn xanh nhưng Ban lãnh đạo công ty luôn sẵn sàng cập nhật và tiếp thu những thông báo mới nhất từ UBCKNN về thị trường vốn xanh, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ theo các hướng dẫn và quy định từ cơ quan quản lý. Bằng cách này, Công ty mong muốn góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường vốn xanh, đồng thời tạo dựng lòng tin và uy tín từ phía cổ đông, đối tác, và cộng đồng đầu tư.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt | Khoản mục | Thực hiện năm 2023 | Năm 2024 | | % thực hiện năm 2024 so với | |
|-----|--|--------------------|-------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------|
| | | | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2023 |
| 1 | Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. | 59.145 | 57.365 | 41.555 | 72,44% | 70,26% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (LNTT). | 760 | 1.880 | 904 | 48,09% | 118,95% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế. | 65 | 1.504 | 306 | 20,35% | 470,77% |
| 4 | Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu. | 1,28% | 3,28% | 2,18% | | |

1.1. Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt các chỉ tiêu:

- Thị trường logistics cạnh tranh khốc liệt, cùng với tình hình kinh tế khó khăn, ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng dịch vụ của công ty.
- Chi phí hoạt động tăng do biến động giá nhiên liệu và chi phí nhân công.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Cải tiến cơ cấu tổ chức: Công ty đã kiện toàn đội ngũ cán bộ, điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược kinh doanh, tăng cường quản lý và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả.
- Áp dụng công nghệ: Việc triển khai các thiết bị công nghệ trong quản lý và vận hành tại Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng đã nâng cao hiệu suất và giảm chi phí.
- Quản lý tài chính: Công ty thực hiện kiểm tra, rà soát hoạt động thu chi định kỳ, kiểm soát tốt tình hình công nợ, đảm bảo tài chính lành mạnh.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

| Tình hình tài sản | Năm 2023 (VND) | Năm 2024 (VND) | % tăng giảm |
|---|------------------------|------------------------|-------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 31.718.007.533 | 31.448.957.214 | 99% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.414.581.944 | 13.983.627.955 | 134% |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4.110.000.000 | 4.146.960.924 | 101% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 6.910.285.133 | 4.687.098.442 | 68% |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 10.283.140.456 | 8.631.269.893 | 84% |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 138.983.634.067 | 128.969.678.639 | 93% |

| Tình hình tài sản | Năm 2023 (VND) | Năm 2024 (VND) | % tăng giảm |
|--|------------------|------------------|-------------|
| II. Tài sản cố định | 134.158.587.206 | 126.465.501.235 | 94% |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 119.533.972.192 | 111.840.886.221 | 94% |
| - Nguyên giá | 136.363.093.645 | 135.111.399.968 | 99% |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (16.829.121.453) | (23.270.513.747) | 138% |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 14.624.615.014 | 14.624.615.014 | 100% |
| - Nguyên giá | 14.624.615.014 | 14.624.615.014 | 100% |
| III. Bất động sản đầu tư | 234.686.042 | 370.390.692 | 158% |
| - Nguyên giá | 1.710.425.811 | 2.225.980.778 | 130% |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (1.475.739.769) | (1.855.590.086) | 126% |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 396.579.500 | 396.579.500 | 100% |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 994.200.000 | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 3.199.581.319 | 1.737.207.212 | 54% |

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty còn khoản đầu tư tài chính dài hạn: Không có.
- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty còn dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn như sau:
 - o Vay ngắn hạn: 43.630.232.380 VND trong đó:
 - Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam: 14.630.232.380 VND
 - Công Ty Cổ Phần Transimex: 29.000.000.000 VND
 - o Vay dài hạn tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam: 43.890.697.124 VND.

2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều điều chỉnh và cải tiến quan trọng nhằm kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp:

- Củng cố cơ cấu tổ chức: Tái cấu trúc các phòng ban chức năng nhằm nâng cao tính chuyên môn hóa và hiệu suất làm việc, đồng thời rút gọn quy trình xử lý để tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tập trung tuyển dụng, đào tạo và giữ chân nhân sự chất lượng cao, đặc biệt là các vị trí chủ chốt trong lĩnh vực logistics, vận tải và công nghệ thông tin.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý: Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý vận hành, khai thác và chăm sóc khách hàng, đặc biệt tại Trung tâm Logistics Vinatrans tại Khu công nghiệp Hòa Cầm.

- Chính sách quản lý tài chính - công nợ: Tăng cường kiểm soát tài chính, thực hiện rà soát định kỳ công nợ, thu – chi, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty đặt ra chiến lược phát triển trung và dài hạn gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững:

- Phát triển dịch vụ logistics: Tăng cường khai thác và mở rộng dịch vụ vận tải hàng hóa, đặc biệt là dịch vụ vận tải lạnh phục vụ ngành thực phẩm – thủy hải sản khu vực miền Trung.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: Tập trung cải thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ của Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng thành trung tâm phân phối hàng hóa đầu mối chất lượng cao.
- Mở rộng thị trường: Tăng cường hợp tác với các đối tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các khu vực lân cận để đa dạng hóa nguồn hàng và dịch vụ.
- Chuyển đổi số: Đẩy mạnh số hóa quy trình nội bộ, nâng cao trải nghiệm khách hàng qua các nền tảng số.

2.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có.

2.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động logistics.
- Áp dụng công nghệ và quy trình nhằm tiết kiệm điện, nước, giảm tiêu hao năng lượng trong vận hành kho bãi.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Chính sách nhân sự đảm bảo môi trường làm việc an toàn, công bằng và chuyên nghiệp.
- Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho nhân viên.
- Công ty duy trì các chính sách phúc lợi ổn định như BHXH, BHYT, hỗ trợ ăn trưa, thưởng lễ, tết và du lịch hàng năm.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội và hỗ trợ cộng đồng tại Thành phố Đà Nẵng.
- Hỗ trợ các chương trình giáo dục, tài trợ học bổng cho sinh viên ngành logistics, vận tải.
- Phối hợp và tổ chức các giải thể thao, hoạt động văn hóa nội bộ gắn kết cộng đồng doanh nghiệp trong ngành Logistics tại Thành phố Đà Nẵng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt | Khoản mục | Thực hiện năm 2023 (VND) | Năm 2024 (VND) | | % thực hiện năm 2024 so với | |
|-----|--|--------------------------|-------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------|
| | | | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2023 |
| 1 | Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. | 59.145 | 57.365 | 41.555 | 72,44% | 70,26% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (LNTT). | 760 | 1.880 | 904 | 48,09% | 118,95% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế. | 65 | 1.504 | 306 | 20,35% | 470,77% |
| 4 | Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu. | 1,28% | 3,28% | 2,18% | | |

- Doanh thu thuần 41,555 tỷ đồng, giảm 29,74% so với năm trước và đạt 72,44% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế lần lượt là 904 triệu đồng và 306 triệu đồng, đạt 48,09% và 20,35% so với kế hoạch tuy nhiên tăng 118,95% và 470,77% so với năm 2023 do phát sinh một khoản thu nhập từ hoạt động tài chính là bán cổ phiếu mã VNT.
- Trong năm 2024, Công ty cũng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, một số khách hàng có sản lượng gửi kho lạnh lớn đã giảm sản lượng vì thiếu nguyên liệu đầu vào đặc biệt đối với khách hàng chế biến thủy sản. Năm 2024 cũng là một năm khó khăn với ngành Logistics, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp, công ty trong ngành tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát kế hoạch kinh doanh được đề ra, triển khai các giải pháp tìm kiếm, khai thác khách hàng mới, nâng cao chất lượng và đa dạng dịch vụ đối với các khách hàng.
- Trong mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, trách nhiệm môi trường luôn được Công ty quan tâm và chú trọng. Các công tác an sinh, xã hội, hoạt động đoàn thể được thực tốt. Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định đối với Người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban điều hành đã thực hiện tốt và đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.
- Ban điều hành đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.
- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh.
- Hoạt động tăng cường và triển khai tốt việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị Logistics, quản trị công ty và số hóa công tác điều hành khai thác dịch vụ.
- Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Phân đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | % kế hoạch năm 2025 so với | |
|-----|--------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------------------|--------------------|
| | | | | | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 |
| 1 | Vốn điều lệ. | 61.425 | 31.500 | 61.425 | | |
| 2 | Doanh thu thuần. | 57.365 | 41.555 | 44.429 | 77,45% | 106,92% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế. | 1.880 | 904 | 126 | 6,70% | 13,94% |
| 4 | Tỷ trọng LNTT/Doanh thu thuần. | 3,28% | 2,18% | 0,28% | | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế. | 1.504 | 306 | (132) | (8,78%) | (43,14%) |
| 6 | Lũy kế LNST chưa phân phối. | 24.791 | 23.584 | 23.452 | 94,60% | 99,44% |

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo thực hiện hoàn tất việc tăng vốn thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thực hiện chiến lược phát triển bền vững và tập trung vào ngành nghề cốt lõi của Công ty, tìm kiếm thêm khách hàng mới để tăng tỷ lệ lấp đầy kho và hoàn thành kế hoạch ngân sách năm 2025.
- Khai thác thêm các dịch vụ giá trị gia tăng của các khách hàng hiện hữu.
- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị tài chính, kiểm soát chặt chẽ chi phí theo ngân sách đã phê duyệt, đảm bảo tình hình tài chính ổn định.
- Tiếp tục đẩy mạnh và giám sát việc thực hiện: Dự án Tòa nhà văn phòng số 49 Phan Đăng Lưu.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác | Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|-----------------------|-----------------|---|--|
| 1. | Ông Lê Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT | 08 | 0,00% |
| 2. | Ông Nguyễn Bích Lâm | Thành viên HĐQT | 04 | 0,63% |
| 3. | Ông Nguyễn Hoàng Hải | Thành viên HĐQT | 05 | 0,00% |
| 4. | Ông Nguyễn Ngọc Thắng | Thành viên HĐQT | 01 | 0,003% |
| 5 | Ông Vũ Quốc Bảo | Thành viên HĐQT | 03 | 0,00% |

❖ **Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:**

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----|-------------------|-----------------|---------------|-----------------|
| 1 | Lê Hoàng Như Uyên | Thành viên HĐQT | 30/03/2021 | 29/11/2024 |
| 2 | Nguyễn Hoàng Hải | Thành viên HĐQT | 29/11/2024 | |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Hành chính & Nhân sự.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt các tờ trình của Ban điều hành và nghe Ban điều hành báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty định kỳ.
- Kết quả biểu quyết các vấn đề đều đạt đồng thuận cao, các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- Định biên, cơ cấu lại tình hình nhân sự và đưa ra các điều chuyển, bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao kịp thời, chính xác nhằm tăng cường hệ thống quản trị nhân sự, nâng tầm quản lý của các cán bộ quản lý trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2024, HĐQT đã có 16 phiên họp, ban hành 22 nghị quyết, cụ thể như sau:

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | 14/NQ.HĐ QT-VMT | 04/01/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về ước kết quả kinh doanh năm 2023 và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2024. - Thông qua báo cáo tiến độ thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. - Thông qua báo cáo tiến độ thực hiện dự án Tòa nhà Văn Phòng số 49 Phan Đăng Lưu. | 100% |
| 2 | 15/NQ.HĐ QT-VMT | 29/01/2024 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | 100% |
| 3 | 16/NQ.HĐ QT-VMT | 15/02/2024 | Thông qua điều chỉnh kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | 100% |
| 4 | 17/NQ.HĐ QT-VMT | 08/03/2024 | Thông qua điều chỉnh lần 2 kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | 100% |
| 5 | 18/NQ.HĐ QT-VMT | 17/04/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. - Thông qua phê duyệt các nội dung đề trình Đại hội cổ đông thường niên 2024. | 100% |
| 6 | 19/NQ.HĐ QT-VMT | 07/05/2024 | Thông qua phê duyệt các nội dung cập nhật đề trình Đại hội cổ đông thường niên 2024. | 100% |
| 7 | 20/NQ.HĐ QT-VMT | 08/05/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tổ chức lại một số phòng ban và ban hành sơ đồ tổ chức mới. - Thông qua các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại hoạt động của các văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. - Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị kiêm Người phụ trách quản trị Công ty. | 100% |
| 8 | 21/NQ.HĐ QT-VMT | 24/05/2024 | Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở và văn phòng làm việc của Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung tại Huế. | 100% |
| 9 | 22/NQ.HĐ QT-VMT | 15/07/2024 | Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung. | 100% |
| 10 | 23/NQ.HĐ QT-VMT | 24/07/2024 | - Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua; | 100% |

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|--|-----------------|
| | | | - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. | |
| 11 | 24/NQ.HĐ QT-VMT | 24/07/2024 | Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. | 100% |
| 12 | 25/NQ.HĐ QT-VMT | 24/07/2024 | Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung để nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước. | 100% |
| 13 | 26/NQ.HĐ QT-VMT | 31/07/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2024. - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024. - Thông qua thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024. - Thông qua việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Thông qua Quy chế Công bố thông tin công ty đại chúng. | 100% |
| 14 | 27/NQ.HĐ QT-VMT | 31/07/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027. - Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc Công ty. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Thanh Định giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Công ty. | 100% |
| 15 | 28/NQ.HĐ QT-VMT | 23/09/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị hiện tại của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. - Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. - Thông qua việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. | 100% |
| 16 | 29/NQ.HĐ QT-VMT | 09/10/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tình hình thực hiện kinh doanh, tình hình hoạt động tài chính 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024. - Thông qua tiến độ thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024 theo Nghị quyết | 100% |

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|---|-----------------|
| | | | <p>Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQĐHĐCĐ-VMT ngày 08/05/2024 của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc cho thuê văn phòng tại địa chỉ số 184 đường Trần Phú và Kiệt 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng. - Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024. | |
| 17 | 30/NQ.HĐ QT-VMT | 09/10/2024 | Thông qua phương án chi tiết sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. | 100% |
| 18 | 31/NQ.HĐ QT-VMT | 09/10/2024 | Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung để nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước. | 100% |
| 19 | 32/NQ.HĐ QT-VMT | 16/10/2024 | Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. | 100% |
| 20 | 33/NQ.HĐ QT-VMT | 07/11/2024 | Thông qua các nội dung, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung. | 100% |
| 21 | 34/NQ.HĐ QT-VMT | 11/12/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung với người có liên quan của Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công Ty Cổ Phần Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. - Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương. | 100% |
| 22 | 35/NQ.HĐ QT-VMT | 11/12/2024 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. - Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. | 100% |

- Tỷ lệ tham dự họp của HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Lê Văn Hùng | 16 | 16/16 | |
| 2 | Ông Nguyễn Bích Lâm | 16 | 16/16 | |
| 3 | Bà Lê Hoàng Như Uyên | 15 | 15/16 | Miễn nhiệm thành viên HĐQT 29/11/2024 |
| 4 | Ông Vũ Quốc Bảo | 16 | 16/16 | |
| 5 | Ông Nguyễn Ngọc Thắng | 16 | 16/16 | |
| 6 | Ông Nguyễn Hoàng Hải | 1 | 1/16 | Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/11/2024 |

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|------------------------|----------------|--|
| 1. | Bà Nguyễn Hồng Kim Chi | Trưởng BKS | 0,003% |
| 2. | Ông Huỳnh Văn Toàn | Thành viên BKS | 0,00% |
| 3. | Ông Võ Thành Đồng | Thành viên BKS | 0,00% |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2024, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức năng Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BDH) tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị. Hoạt động của BKS gồm:
- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Quyết định của HĐQT. Giám sát hoạt động của HĐQT, BDH liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, kiểm tra tính tuân thủ của HĐQT và BDH trong việc tuân thủ pháp luật liên quan, Điều lệ doanh nghiệp và các quy chế quy định của Công ty. Thực hiện kiến nghị HĐQT, BDH về hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị công ty. Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2024, Ban kiểm soát họp 03 cuộc họp với tỷ lệ tham dự như sau:

| Stt | Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-----------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Hồng Kim Chi | 03 | 03/03 | 100% | |
| 2 | Ông Võ Thành Đồng | 03 | 03/03 | 100% | Bổ nhiệm từ ngày 08/05/2024 |
| 3 | Ông Huỳnh Văn Toàn | 01 | 01/03 | 100% | Bổ nhiệm từ ngày 08/05/2024 |

2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| Stt | Họ tên | Chức danh | Tổng lương | Tổng thù lao (VND) | Thưởng | Các khoản lợi ích khác | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-----------------|------------|--------------------|--------|------------------------|--|
| I. | Hội đồng quản trị | | | | | | |
| 1. | Ông Lê Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT | | 46.650.000 | | | Bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 23/09/2024. |
| 2. | Bà Lê Hoàng Như Uyên | Thành viên HĐQT | | 41.350.000 | | | Miễn nhiệm từ ngày 29/11/2024. |
| 3. | Ông Nguyễn Bích Lân | Thành viên HĐQT | | 52.500.000 | | | Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 31/07/2024. |
| 4. | Ông Vũ Quốc Bảo | Thành viên HĐQT | | 42.000.000 | | | |
| 5. | Ông Nguyễn Ngọc Thắng | Thành viên HĐQT | | 42.000.000 | | | |
| 6. | Ông Nguyễn Hoàng Hải | Thành viên HĐQT | | 3.500.000 | | | Tham gia từ HĐQT |

| | | | | | | | |
|-------------|--------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|-------------------|------------------|---|
| | | | | | | | ngày 29/11/2024. |
| II. | Ban Kiểm soát | | | | | | |
| 1 | Bà Nguyễn Hong Kim Chi | Trưởng BKS | | 42.000.000 | | | |
| 2 | Ông Võ Thành Đồng | Thành viên BKS | | 11.655.000 | | | |
| 3 | Ông Huỳnh Văn Toàn | Thành viên BKS | | 11.655.000 | | | |
| 4 | Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo | Thành viên BKS | | 6.345.000 | | | Miễn nhiệm kể từ ngày 08/05/2024. |
| 5 | Ông Nguyễn Hải Nhật | Thành viên BKS | | 6.345.000 | | | Miễn nhiệm kể từ ngày 08/05/2024. |
| III. | Ban Giám đốc | | | | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Thanh Tuấn | Giám đốc | 282.930.912 | | | 1.000.000 | |
| 2 | Ông Lê Thanh Định | Phó Giám đốc | 155.580.567 | | 23.427.739 | | |
| 3 | Lê Anh Thư | Kế toán trưởng | 225.254.135 | | | 500.000 | Miễn nhiệm kể từ ngày 11/12/2024. |
| | Tổng cộng | | 663.765.614 | 306.000.000 | 23.427.739 | 1.500.000 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan của người nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Mối quan hệ liên quan | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | |
|-----|--|--|---------------------------------|--|--|----------------------|
| | | | | | Nội dung | Tổng giá trị (VND) |
| 1 | Công ty Cổ phần Transimex. | Công ty mẹ | Năm 2024 | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Mua dịch vụ | 3.703.991.614 |
| | | | | | Lãi vay | 2.035.561.644 |
| | | | | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Cung cấp dịch vụ | 301.408.692 |
| 2 | Công ty Cổ phần Vinafreight. | Cổ đông lớn | Năm 2024 | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Cung cấp dịch vụ | 6.299.400 |
| 3 | Công ty TNHH DV Hàng không Véc tơ quốc tế. | Tổ chức có liên quan của người nội bộ. | Năm 2024 | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Mua dịch vụ | 94.776.221 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics. | Tổ chức có liên quan của người nội bộ | Năm 2024 | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Mua dịch vụ | 72.276.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Logistics Long An. | Tổ chức có liên quan của người nội bộ | Năm 2024 | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Mua dịch vụ | 149.439.885 |
| 6 | Công ty Cổ phần Cảng Transimex. | Tổ chức có liên quan của người nội bộ. | Năm 2024 | 34/NQ.HĐQT-VMT ngày 11/12/2024 | Cung cấp dịch vụ | 3.400.000.000 |
| 7 | Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương. | Tổ chức có liên quan của người nội bộ. | Năm 2024 | | Cung cấp dịch vụ | 2.500.000 |
| | Tổng cộng | | | | | 9.766.253.456 |

e) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường phù hợp với quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng. Các báo cáo tài chính năm, báo cáo quản trị và

các thông tin khác được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty tạo điều kiện cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

- Trong quá trình lãnh đạo và điều hành tại công ty, HĐQT và BĐH chưa để xảy ra trường hợp sai phạm trọng yếu hay vi phạm Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và pháp luật liên quan.

VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu: VT, TK. HĐQT (02).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Văn Hùng

Chủ tịch hội đồng quản trị